

**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ VÙNG NUÔI TÔM TẬP TRUNG**

**1. Kết quả quan trắc môi trường**

**1.1. Kết quả phân tích thủy, lý hóa**

| Ngày thu   | Điểm quan trắc | Tỉnh    | Huyện     | Tọa độ                  | Nhiệt độ (°C)              | pH                       | DO (mg/L)                  | Độ mặn (‰)                | Độ kiềm (mg/L)              | N-NH <sub>4</sub> (mg/L)     | P-PO <sub>4</sub> (mg/L)     | N-NO <sub>2</sub> (mg/L)   | H <sub>2</sub> S (mg/L)    | COD (mg/L)               | TSS (mg/L)                  |
|--|----------------|---------|-----------|-------------------------|----------------------------|--------------------------|----------------------------|---------------------------|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|----------------------------|----------------------------|--------------------------|-----------------------------|
| Giá trị giới hạn cho phép theo: QCVN 02-19:2014/BNNPTNT <sup>(1)</sup> ; QCVN 10-MT:2015/BTNMT <sup>(2)</sup> ; QCVN 08-MT:2015/BTNMT <sup>(3)</sup> |                |         |           |                         | <b>18-33<sup>(1)</sup></b> | <b>7-9<sup>(1)</sup></b> | <b>≥ 3,5<sup>(1)</sup></b> | <b>5-35<sup>(1)</sup></b> | <b>60-180<sup>(1)</sup></b> | <b>&lt;0,3<sup>(3)</sup></b> | <b>&lt;0,2<sup>(2)</sup></b> | <b>≤0,05<sup>(2)</sup></b> | <b>≤0,05<sup>(1)</sup></b> | <b>≤10<sup>(3)</sup></b> | <b>&lt;50<sup>(2)</sup></b> |
| 24/02  | Quỳnh Bảng     | Nghệ An | Quỳnh Lưu | 19,184829<br>105,715998 | 20,9                       | 7,96                     | 4,20                       | 4                         | 112,0                       | 0,244                        | 0,002                        | 0,034                      | 0,001                      | 1,6                      | 8,0                         |
| 24/02  | Quỳnh Liên     |         | Hoàng Mai | 19,191252<br>105,722760 | 20,9                       | 8,11                     | 4,30                       | 4                         | 118,0                       | <b>0,306</b>                 | 0,000                        | <b>0,137</b>               | 0,000                      | 1,44                     | 4,8                         |

Ghi chú: <sup>(1)</sup> Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ - Điều kiện đảm bảo vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm;

<sup>(2)</sup> Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển – Vùng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh; <sup>(3)</sup> Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt – Cột A1: Sử dụng cho mục đích nước cấp sinh hoạt và bảo tồn động thực vật thủy sinh.

**1.2. Kết quả phân tích tảo độc và vi sinh vật**

| Ngày thu   | Điểm quan trắc | Tỉnh    | Huyện     | Tọa độ                  | Tảo độc (Tế bào/L) | Coliforms (Khuẩn lạc/100 mL) | Vibrio tổng số (Khuẩn lạc/mL) | V <sub>p</sub> AHPND trong nước |
|--|----------------|---------|-----------|-------------------------|--------------------|------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
| Giá trị giới hạn: QCVN 10-MT:2015/BTNMT; 28 TCN 101:1997-Phụ lục 8 |                |         |           |                         |                    | <b>&lt;1.000</b>             | <b>≤1.000</b>                 |                                 |
| 24/02  | Quỳnh Bảng     | Nghệ An | Quỳnh Lưu | 19,184829<br>105,715998 | 0                  | 18000                        | 63                            | -                               |
| 24/02  | Quỳnh Liên     |         | Hoàng Mai | 19,191252<br>105,722760 | 0                  | 16000                        | 0                             | -                               |

Ghi chú: V<sub>p</sub> AHPND trong nước: *Vibrio parahaemolyticus* chủng gây bệnh hoại tử gan tụy cấp trong nước; (-) Âm tính với tác nhân kiểm tra. Tiêu chuẩn ngành 28 TCN 101:1997-Phụ lục 8: Tiêu chuẩn đánh giá đối với môi trường nước nuôi, lưu giữ động vật thủy sản;

## 2. Đánh giá chất lượng nước (WQI) theo 1460/QĐ-TCMT của Bộ TNMT

| STT | Điểm quan trắc | WQI | Chất lượng nước | Chỉ tiêu ngoài ngưỡng  |
|-----|----------------|-----|-----------------|--|
| 1   | Quỳnh Bảng     | 43  | Xấu             | coliform vượt 18 lần   |
| 2   | Quỳnh Liên     | 35  | Xấu             | N-NH <sub>4</sub> vượt 1,1 lần, coliform vượt 16 lần, N-NO <sub>2</sub> vượt 2,7 lần |

Ghi chú: Các chỉ tiêu dùng để tính toán chỉ số WQI: Nhiệt độ, pH, DO, N-NH<sub>4</sub>, N-NO<sub>2</sub>, P-PO<sub>4</sub>, COD, Coliform.

## 3. Nhận xét kết quả phân tích

Chỉ số chất lượng nước (WQI) tại Quỳnh Bảng và Quỳnh Liên ở mức xấu theo quyết định 1460/QĐ-TCMT của Bộ TNMT. Mật độ coliform tổng số trong nước tại 2 điểm nguồn cấp cao hơn giới hạn cho phép từ 16 - 18 lần so với QCVN 10-MT:2015/BTNMT, độ mặn thấp hơn khoảng phù hợp cho nuôi tôm nước lợ theo QCVN 02-19:2014/BNNPTNT; hàm lượng N-NH<sub>4</sub> và N-NO<sub>2</sub> tại Quỳnh Liên cao hơn 1,1 lần và 2,7 lần so với QCVN 08-MT:2015/BTNMT và QCVN 10-MT:2015/BTNMT.

## 4. Khuyến cáo

Các cơ sở nuôi không nên sử dụng nước nguồn cấp ở 02 điểm quan trắc Quỳnh Bảng và Quỳnh Liên trong đợt quan trắc này để cấp cho ao nuôi tôm do có độ mặn, N-NH<sub>4</sub>, N-NO<sub>2</sub> và coliform không phù hợp. Nếu cần thiết lấy nước để cấp vào ao nuôi, quy trình cấp nước thực hiện như sau: 1) Lấy nước qua túi lọc dày (đường kính lỗ lọc  $\leq 200 \mu\text{m}$ ) ở thời điểm đỉnh triều vào ao lắng/lọc; 2) Xử lý nước trong ao lắng lọc: Sử dụng các hoá chất khử trùng được phép lưu hành trên thị trường (ví dụ: Chlorine với liều lượng 10-20 mg/L) để khử trùng nước, chạy quạt khí và giữ nước trong ao lắng lọc từ 1-2 ngày để loại bỏ hoá chất khử trùng, giảm N-NH<sub>4</sub> và N-NO<sub>2</sub>; 3) Cấp nước vào ao nuôi. Lưu ý: Tránh bổ sung nước vào ao nuôi tôm ở thời điểm nhiệt độ xuống thấp như sáng sớm và chiều tối, bổ sung lượng nước phù hợp để tránh làm thay đổi đột ngột độ mặn trong ao nuôi do nguồn nước cấp có độ mặn thấp.

Đề nghị cơ quan quản lý địa phương thông báo kết quả và khuyến cáo tới cơ sở nuôi để biết và thực hiện./.

### Nơi nhận:

- Vụ Nuôi trồng Thủy sản;
- Chi Cục thủy sản Nghệ An;
- Lưu VT.

TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÀ  
BỆNH THỦY SẢN MIỀN BẮC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Đức Bình*